

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 30-7-2020.
V/v “Ly hôn giữa chị T và anh
T”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thê.

2. Ông Hoàng Vũ Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm G, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Bá T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa: Có mặt chị T; vắng mặt anh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua tìm hiểu chị và anh Phạm Bá T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 06-11-2019, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Trước khi đi đăng ký kết hôn chị và anh T có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

cùng với bố mẹ chồng tại xóm Đ, thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau chỉ được một thời gian ngắn bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: Anh T thường xuyên chơi bời, rượu chè, cờ bạc và có nhiều lần anh T đi uống rượu về đánh đập chị và yêu sách đòi chị đưa tiền cho anh ấy tiêu. Chị hoảng sợ vì anh T đánh đập chị quá nhiều, có những đêm chị phải trốn về nhà bố mẹ để được an toàn. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm được gần 6 tháng nay; chị đưa con về ở cùng với bố mẹ đẻ tại xóm G, xã T.

Nay chị xác định không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì với anh T, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, hôn nhân không có hạnh phúc; do đó chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Bá Bình A, sinh ngày 28-10-2019; hiện nay cháu A đang ở với chị tại xóm G, xã T. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án xem xét giao cháu A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng không có, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Đối với bị đơn là anh Phạm Bá T hiện nay đang cư trú tại xóm Đ thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Khi Tòa án thụ lý vụ án xin ly hôn giữa chị T với anh, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng cho anh T theo đúng quy định của pháp luật; nhưng anh T cố tình vắng mặt, từ chối khai báo gây khó khăn cho chị T cũng như việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Bá T.

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Bá Bình A, sinh ngày 28-10-2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản, công nợ chung và các nội dung khác: Đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do anh Phạm Bá T hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: xã T, huyện V, tỉnh Nam Định nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị T và anh T là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị T; nhưng anh T cố tình vắng mặt, từ chối khai báo; Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T, nhưng anh T cố tình vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị T và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân nhiều tháng nay. Xét điều kiện, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm đến nhau. Từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, nhưng anh T không đến làm việc, chứng tỏ anh T đã có ý từ chối bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm gia đình với chị T. Chị T cũng xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Như vậy quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng của chị T và anh T đã không đảm bảo với quy định tại các Điều 17, 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giải quyết cho chị T ly hôn với anh Phạm Bá T là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Bá Bình A, sinh ngày 28-10-2019. Hiện nay cháu A đang ở cùng với chị T tại nhà ông bà ngoại của cháu ở xóm G, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Xét thấy cháu A còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và bản thân chị T cũng đầy đủ sức khỏe tham gia lao động sản xuất và có thu nhập trang trải cuộc sống; hiện chị T có nơi cư trú ổn định. Như vậy chị T có đầy đủ các điều kiện cần thiết để được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo các điều kiện tốt nhất để cháu A sinh hoạt và phát triển.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị; vì vậy không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không đề nghị nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Bá T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Bá Bình A, sinh ngày 28-10-2019 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A thành niên, có khả năng lao động, tự lập được.

Anh Phạm Bá T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị T.

Anh Phạm Bá T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị T.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

(Đổi trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001950 ngày 04-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định, như vậy chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Bá T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Nam